TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2022/DS - PT
Ngày 22 tháng 3 năm 2022
"V/v: Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh và ông Trần Văn Thái.

- Thư ký phiên toà: Bà Đôn Minh Tiến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp kiện đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tính mạng bị xâm phạm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Đức S, sinh năm 1949; Địa chỉ: Khu 3, thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S: Bà Phan Thị Kim L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn A;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Xuân Q; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn A (vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Đặng Thị C, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu 3, thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Anh Đặng Đức D, sinh năm 1975; địa chỉ: Đại đội X, Tiểu đoàn Y, Bộ tham mưu Quân Đoàn Z - thành phố G, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

3. Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu 3, thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

4. Chị Đặng Thị E, sinh năm 1981; địa chỉ: Trường tiểu học Ê I, huyện G, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh D, anh Đ và chị E: Chị Đặng Thị C, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu 3, thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo Văn bản ủy quyền ngày 05/4/2021, ngày 03/4/2021 và ngày 04/5/2021).

5. Hợp tác xã nông nghiệp A; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh A - Giám đốc Hợp tác xã; Địa chỉ: Thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

6. Hợp tác Dịch vụ điện A, đổi tên là Công ty TNHH điện A; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Giám đốc; Địa chỉ: Thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

7. Ông Đặng Văn Hòa; địa chỉ: Khu 6, thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Đặng Đức S và chị Đặng Thị C.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Đức S và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Tháng 3/1985, bà Lê Thị O (là vợ ông) đi làm ruộng tại xã A, huyện Ơ, tỉnh Vĩnh Phú (cũ) nay là thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc bị sự cố điện giật chết. Ngày 28/9/1988, giữa gia đình ông S với Ủy ban nhân dân (UBND) xã A đã lập biên bản giải quyết đơn đề nghị có nội dung thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại do sự cố điện dẫn đến cái chết của bà O. Nội dung biên bản giải quyết đơn đề nghị là UBND xã A hỗ trợ cho gia đình ông S tiền mai táng phí, tiền cải cát cho bà O; tiền lương thực, tiền giấy bút, tiền quần áo cho các con ông S và bà O đến khi các cháu đủ 16 tuổi.

Nội dung cụ thể:

- Tiền mai táng phí; tiền cải cát cho bà Lê Thị O (vợ ông, đã chết) là 230.000đ, quy đổi ra thóc là 700kg, ông S đề nghị áp dụng là 8.000đ/01kg bằng 5.600.000đ.

- Tiền lương thực cho các con ông S từ tháng 3 năm 1985 đến năm 1987 là 1.500 kg thóc, với giá 8.000đ/01 kg bằng 12.000.000đ.

- Trợ cấp cho các con của ông S và bà O từ năm 1988 đến khi các con đủ 16 tuổi, cụ thể như sau:

+ Khoản trợ cấp cho chị Đặng Thị C: Trợ cấp trong thời gian 04 năm, từ năm 1985 đến năm 1990, các khoản trợ cấp cụ thể: Tiền lương thực trong 04 năm; tiền quần áo trong 04 năm; tiền giấy bút đi học trong 04 năm.

+ Khoản trợ cấp cho anh Đặng Đức D: Trợ cấp trong thời gian 06 năm, từ năm 1985 đến năm 1992, các khoản trợ cấp cụ thể: Tiền trợ cấp lương thực trong 06 năm; tiền quần áo trong 06 năm; tiền giấy bút đi học trong 06 năm.

+ Khoản trợ cấp cho anh Đặng Văn Đ: Trợ cấp trong thời gian 09 năm, từ năn 1985 đến năm 1996, các khoản cụ thể: Tiền trợ cấp lương thực trong 09 năm; tiền quần áo trong 09 năm; tiền giấy bút đi học trong 09 năm.

+ Khoản trợ cấp cho chị Đặng Thị E: Trợ cấp trong thời gian 12 năm, từ năn 1985 đến năm 1997, các khoản trợ cấp cụ thể: Tiền trợ cấp lương thực trong 12 năm; tiền quần áo trong 12 năm; tiền giấy bút đi học trong 12 năm.

Tổng số tiền quần áo cho 04 người con ông S là 15.500.000đ, tiền giấy bút là 15.500.000đ; tiền lương thực 29.760.000đ.

- Đối với số tiền yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần: Ông yêu cầu UBND thị trấn A phải bồi thường cho gia đình tổng số tiền 149.000.000đ (tương đương với 100 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định).

Đồng thời yêu cầu UBND thị trấn A bồi thường tiền lương thực là 7.680.000đ, tiền quần áo và tiền giấy bút cho 04 con của ông S từ đủ 16 tuổi đến khi đủ 18 tuổi (thêm 02 năm) là 8.000.000đ với tổng số tiền là 15.680.000đ.

Tổng số tiền ông Đặng Đức S yêu cầu UBND thị trấn A phải bồi thường cho ông, chị C, anh D, anh Đ và chị E là 243.040.000đ, trừ số tiền 4.200.000đ ông S đã được UBND thị trấn A chi trả năm 1995, 1996. Số tiền còn lại là 238.840.000đ. Ông S xin được nhận, hưởng toàn bộ số tiền bồi thường.

Đối với yêu cầu bồi thường tiền học phí cho 04 người con của ông S, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 29/4/2021 ông S xin rút toàn bộ yêu cầu này.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thị trấn A, ông Đỗ Xuân Quang trình bày: Thời điểm trước đây và trong quá trình giải quyết vụ án UBND thị trấn A đã trình bày:

Đối với các khoản hỗ trợ theo biên bản ngày 28/9/1988 giữa UBND xã A, huyện Ơ, tỉnh Vĩnh Phú (cũ), nay là UBND thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc với ông S thì UBND thị trấn A không có ý kiến gì về các khoản và mức hỗ trợ

như biên bản thỏa thuận bồi thường năm 1988. Nay UBND thị trấn A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đức S.

Về trách nhiệm bồi thường trong vụ án đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Đối với giá 01kg thóc là 8.000đ ông S yêu cầu, UBND thị trấn A không đồng ý, đề nghị áp dụng giá thóc như biên bản đối trừ ngày 19/3/2015 các lần hòa giải trước là 6.000đ/1kg và 01 bộ quần áo cho mỗi con ông S là 500.000đ và tiền giấy bút cho mỗi con ông S là 500.000đ trên 01 năm đến khi các cháu đủ 16 tuổi thì UBND thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc không có ý kiến gì.

Ông S yêu cầu UBND thị trấn A bồi thường tiền lương thực là 7.680.000đ, tiền quần áo và tiền giấy bút cho 04 người con của ông S từ đủ 16 tuổi đến khi đủ 18 tuổi (thêm 02 năm) là 8.000.000đ với tổng số tiền là 15.680.000đ quan điểm của UBND thị trấn A không đồng ý.

Đối với yêu cầu bồi thường tiền học phí cho 04 người con của ông S, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ông S xin rút toàn bộ yêu cầu này nên UBND thị trấn A không có ý kiến gì.

Tuy nhiên, sau khi UBND xem xét lại nội dung biên bản giải quyết đơn đề nghị ngày 28/9/1988, hỏi ý kiến của những người tham gia lập biên bản thì UBND thị trấn A xác định nội dung trong biên bản ngày 28/9/1988 chỉ là sự hỗ trợ của địa phương cho gia đình ông S trong thời điểm nhất định. Tại phiên tòa sơ thẩm, UBND thị trấn A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S với lý do: Thỏa thuận trong biên bản giải quyết đơn đề nghị ngày 28/9/1988 là hoàn toàn không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật đề nghị Tòa án xem xét. Ông S không có tài liệu gì chứng minh việc bà O bị điện giật chết để xác định trách nhiệm bồi thường của UBND thị trấn A.

Quá trình giải quyết lại vụ án Tòa án có yêu cầu người đại diện theo ủy quyền của UBND thị trấn A chứng minh, xuất trình các tài liệu chứng cứ thể hiện và để làm rõ việc có việc việc đối trừ các khoản UBND thị trấn A phải chi trả cho gia đình ông S. Đại diện của UBND thị trấn không cung cấp được tài liệu gì vì UBND thị trấn và Hợp tác xã (HTX) Nông nghiệp không còn lưu giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Đặng Văn D, anh Đặng Văn Đ và chị Đặng Thị E, chị Đặng Thị C có quan điểm: Đồng ý toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của ông Đặng Đức S và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông S. Ngoài ra chị C không trình bày bổ sung gì thêm. Trường hợp yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đức S được chấp nhận thì chị C, anh D, anh Đ và chị E đồng ý để ông S được nhận và hưởng toàn bộ.

Ông Nguyễn Minh An là người đại diện của HTX Nông nghiệp trình bày: Theo quy định về quản lý lưới điện ở thời điểm từ năm 1985 đến 1988 thì ông

không nắm được đơn vị nào quản lý vì ở thời điểm đó ông chưa tham gia công tác xã hội, tuổi còn nhỏ. Ông nhận bàn giao phụ trách HTX Nông nghiệp A từ tháng 12/2018 đến nay. Khi nhận phụ trách thì ông không nhận được bất cứ giấy tờ tài liệu gì từ Ban quản trị HTX và từ Giám đốc ông Nguyễn Văn Bún bàn giao lại. Từ tháng 12/2018 đến nay HTX Nông nghiệp A cũng không nhận được yêu cầu gì về việc đối trừ nghĩa vụ với ông Đặng Đức S. Từ cuối năm 2018 đến nay thì ông S không nợ bất cứ khoản tiền gì đối với HTX Nông nghiệp A. Đối với yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường của ông Đặng Đức S đối với UBND thị trấn A thì HTX Nông nghiệp A không liên quan gì.

Ông Nguyễn Văn Hiên là người đại diện của HTX điện A trình bày: Theo quy định về quản lý lưới điện thời điểm từ năm 1985 đến 1988 thì toàn bộ việc quản lý điện thuộc HTX nông nghiệp A. Ông nhận phụ trách HTX điện thị trấn A từ tháng 8/2009 đến nay. Khi nhận phụ trách thì ông có nhận bàn giao của ông Nguyễn Văn Bún là Giám đốc HTX nông nghiệp A. Số tiền điện ông Đặng Đức S nợ HTX Nông nghiệp là 8.500.000đ, chỉ có danh sách kèm theo, không có chữ ký xác nhận của ông S vì vậy HTX Điện thị trấn A không đủ căn cứ để yêu cầu ông S trả nợ và đã được Hội nghị xã viên HTX điện thị trấn A kEnh nợ. Từ năm 2009 đến nay thì ông S không nợ bất cứ khoản tiền gì đối với HTX Điện thị trấn A. Về yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường của ông Đặng Đức S đối với UBND thị trấn A thì Hợp tác xã Điện thị trấn A không liên quan gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Văn Hòa được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc và không có quan điểm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng ông Đồng Phi Long trình bày: Năm 1988 với tư cách vừa là Phó Chủ tịch UBND xã và là Trưởng Công an xã A, sau khi nhận được rất nhiều đơn của ông Đặng Đức S thì ông có mời ông Nguyễn Văn Đức là trưởng ban thanh tra xã; ông Nguyễn Văn Tý là Hội nông dân xã; ông Đặng Văn Chính là Phó ban Tư pháp xã kiêm Phó trưởng Công an xã. (Ông Chính đã chết năm 1995). Lập biên bản ngày 28/9/1988 với ông S, ông chỉ trao đổi miệng với Chủ tịch UBND xã thời điểm đó là ông Nguyễn Văn Đắc và cũng không có sự ủy quyền của ông Đắc cho ông khi làm việc với ông S. Mục đích khi làm việc với ông S là để thể hiện sự hỗ trợ của địa phương cho gia đình ông S trong thời điểm khó khăn vì ông S là thương binh và bốn người con ông còn nhỏ. Trong nội dung về việc địa phương hỗ trợ gia đình ông S có nói đến việc mai táng, cải cát cho bà O và nuôi các con bà O, ông S đến năm 16 tuổi, tiền giấy bút, quần áo cho các con ông S đến năm các cháu 16 tuổi. Khi lập biên bản với ông S, ông với tư cách là Phó Chủ tịch UBND xã, mục đích của việc lập biên bản ngày 28/9/1988 là để thể hiện sự giúp đỡ hỗ trợ của địa phương với gia đình ông S

trong giai đoạn hoàn D gia đình ông gặp nhiều khó khăn vợ chết, ông là thương binh các con còn nhỏ. Sự việc ông có mời ông Tý, ông Đức, ông Chính cùng tham gia lập biên bản hỗ trợ gia đình ông S hoàn toàn không có sự báo cáo với Hội đồng nhân dân xã A, không có sự báo cáo với UBND huyện Ơ hay cấp có thẩm quyền nào khác, hỗ trợ gia đình ông S dựa trên một phần nhỏ nông sản là lúa của HTX và thực tế gia đình ông S cũng có nợ sản lượng của HTX chưa trả. Việc giữa ông với ông Tý thời điểm đó là Chủ tịch Hội nông dân xã cũng chỉ là trao đổi miệng không có sự ràng buộc trách nhiệm cụ thể nào vì ông Tý không phải Chủ nhiệm HTX mà Chủ nhiệm HTX thời điểm đó là ông Nguyễn Văn Tại (ông Tại đã chết cách đây gần 20 năm). Thực tế thì đó chỉ là ý kiến của các ông tại thời điểm lập biên bản với ông S bởi sự hỗ trợ của địa phương cũng không có nguồn nào cả và cũng chỉ mang tính tức thời ở thời điểm các con ông S còn nhỏ, gia đình khó khăn không có ràng buộc gì cả.

Ông Long xác định lại việc lập biên bản với ông S ngày 28/9/1988 chỉ là sự hỗ trợ của địa phương với gia đình ông S trong giai đoạn gia đình ông còn nhiều khó khăn mang tính tức thời ở giai đoạn đó còn sau này qua các thời kỳ Chủ tịch UBND các khóa sau có tiếp tục sự hỗ trợ gia đình ông S hay không là quyền và quan điểm của các cấp chính quyền sau này. Khi ông lập biên bản với ông S năm 1988 không có bất cứ tài liệu nào thể hiện bà Lê Thị O bị chết do bị điện giật chết. Khi lập biên bản với ông S hỗ trợ cho việc mai táng, cải cát cho bà O và nuôi các con bà O, ông S đến năm 16 tuổi, tiền giấy bút, quần áo cho các con ông S đến năm các cháu 16 tuổi là xuất phát từ việc gia đình ông S có nhiều khó khăn và cũng để yên dân tránh đơn thư kéo dài chứ biên bản đó theo quy định của pháp luật là không có căn cứ và không được phép bởi ông không được sự ủy quyền của cơ quan và không có nguồn hỗ trợ ổn định. Việc thỏa thuận năm 1988 cũng nói đến trình độ sự hiểu biết pháp luật của cán bộ thời điểm đó còn có những hạn chế.

Người làm chứng ông Đào Văn K- Nguyên kế toán UBND xã A năm từ năm 1996 đến năm 2002 trình bày: Năm 1995, 1996 ông Nguyễn Văn Cối là Chủ tịch UBND xã A, ông là kế toán xã A. Bằng tình cảm của người đứng đầu địa phương, ông Cối đã chỉ đạo ông chi cho gia đình ông S. Ông S là người nhận tiền, số tiền 4.200.000đ. Thực tế số tiền trên là sự hỗ trợ của địa phương cho gia đình ông S bởi theo ông được biết, địa phương thực sự không có trách nhiệm gì với những yêu cầu của ông S. Còn ông S nợ sản lượng bao nhiêu, các loại tiền thuế khác như tiền thuế nhà đất, tiền điện ông S không trả thì phía UBND xã không có số liệu để khẳng định đối trừ bởi ông S đã không thực hiện những nghĩa vụ trên trong một thời gian dài mà sổ sách từ trước năm 1985 đến năm 2000 đều nằm ở HTX Nông nghiệp. Khi ông Đặng Văn H- Nguyên Chủ nhiệm HTX có nhiều sai phạm trong công việc khiến bị buộc phải cưỡng chế để bàn giao con dấu HTX thì ông Hòa đã hủy toàn bộ các tài liệu liên quan đến HTX

nên không còn tài liệu về những khoản nợ cụ thể của gia đình ông S với địa phương. Không thể thực hiện được việc đối trừ. Theo quan điểm của ông, địa phương không bao giờ thực hiện việc đối trừ với gia đình ông S mà chỉ là các khoản hỗ trợ để gia đình ông S vượt qua những khó khăn trong hoàn D vợ ông Chết, bản thân ông là thương Binh và các con còn nhỏ. Các khoản thuế, phí … mà lẽ ra ông và gia đình ông phải thực hiện nhưng suốt những năm các con ông còn nhỏ đến khi các con ông đều học xong trung học phổ thông địa phương không có yêu cầu hay ép buộc gia đình ông phải thanh toán ngay những khoản nợ trên cũng là sự hỗ trợ của địa phương cho gia đình ông S.

Người làm chứng ông Đào Văn M- Nguyên kế toán UBND xã A từ năm 2002 đến năm 2018 trình bày: Ông S và gia đình ông S sinh sống ở địa phương thì phải chịu những nghĩa vụ với địa phương như tiền điện, tiền thuế nhà đất… tuy nhiên thực tế UBND thị trấn A thời ông làm kế toán không lưu giữ được hóa đơn, chứng từ, các tài liệu cụ thể mà gia đình ông S phải có nghĩa vụ với địa phương, HTX, thôn xóm. Do vậy việc ông S thừa nhận số tiền ông nợ tập thể tại biên bản đối trừ ngày 19/3/2015 là 16.644.500đ là sự thừa nhận của ông S còn thực tế không có hóa đơn chứng từ lưu giữ cụ thể từng khoản nợ của ông S. Việc ông S trình bày có đem số tiền trên lên UBND thị trấn nộp là không có căn cứ, thực tế UBND thị trấn không thấy ông S mang số tiền trên nộp cho UBND thị trấn.

Người làm chứng ông Đào Xuân N là anh rể của ông S trình bày: Ngày bà O bị điện giật chết ông ở nhà thì thấy có nhiều người hô hoán có người bị điện giật chết nên ông chạy ra cánh đồng Lò Vàng sau Chùa và thấy bà O chết, tay vẫn còn cầm dây điện. Thực tế dây điện bà O cầm vào là dây buộc vào thân cột điện bằng bê tông để giữ cột điện đứng thẳng còn dây dòng điện vẫn nằm ở trên cột điện tuy nhiên theo ông quan sát thì giữa dây dòng điện và dây buộc vào cột điện bị dò rỉ điện nên bị nhiễm điện giữa dây trên cột và dây buộc dưới đất. Ông lại gần bà O và kéo bà O ra khỏi vị trí cầm dây điện, dân quân ra khiêng bà O về UBND xã A. Sau đó phía UBND mời đại diện gia đình ông S làm việc. Nội dung buổi làm việc giữa đại diện gia đình ông S với UBND xã A khi đó thì ông không biết. Ông quan sát sự việc từ đầu đến cuối thì không thấy có bất cứ ai, hay cơ quan chức năng nào đến khám nghiệm tử thi của bà Lê Thị O. Ông cũng không thấy có bất cứ cơ quan nào từ cấp huyện trở lên về làm việc liên quan đến cái chết của bà O từ khi bà O chết đến khi đi chôn bà O ở nghĩa trang xã A.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đức S yêu cầu kiện đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tính mạng bị xâm phạm với bị đơn UBND thị trấn A, huyện B.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2021 ông Đặng Đức S là nguyên đơn và chị Đặng Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nội dung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 15/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện B kháng nghị phúc thẩm nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S, chị C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng xác định quan hệ pháp luật là bộc thực hiện thỏa thuận và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện buộc UBND thị trấn A thanh toán cho gia đình ông S số tiền 1.060.000đ theo biên bản đối trừ ngày 19/3/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Đặng Đức S, chị Đặng Thị C và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự đến tham dự phiên tòa và các đương sự đã nhận được văn bản của Tòa án hợp lệ. Tuy nhiên một số đương sự vắng mặt tại phiên tòa đã ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa ông Đặng Đức S với UBND thị trấn A không có thỏa thuận gì trước về việc các bên được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ khi bà Lê Thị O (vợ ông S chết). Sự việc phát sinh là tháng 3/1985 bà Lê Thị O (vợ ông S) bị sự cố điện giật chết nên giữa gia đình ông S với UBND thị trấn A có thỏa thuận ngày 28/9/1988 nội dung: UBND xã A hỗ trợ cho gia đình ông S tiền mai táng phí, tiền cải cát cho bà O; tiền lương thực, tiền giấy bút, tiền quần áo cho các con ông S và bà O đến khi các cháu đủ 16 tuổi. Do UBND thị trấn A thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận nên ông S khởi kiện đề nghị UBND thị trấn A tiếp tục thực hiện

nghĩa vụ theo thỏa thuận tại văn bản ngày 28/9/1988. Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn Đặng Đức S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Thị C kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng về thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Ông Đặng Đức S cho rằng vào tháng 3/1985 bà Lê Thị O (vợ ông S) đi làm ruộng tại xã A, huyện Ơ, tỉnh Vĩnh Phú (cũ) nay là thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc bị sự cố điện giật chết. Tại thời điểm bà O chết, thì việc quản lý điện tại địa phương được giao cho HTX nông nghiệp A thuộc xã A thực hiện. Để giải quyết hậu quả của việc bà Lê Thị O bị chết, ngày 28/9/1988 giữa gia đình ông S với UBND xã A đã lập biên bản giải quyết đơn đề nghị có nội dung: UBND xã A hỗ trợ cho gia đình ông S tiền mai táng phí, tiền cải cát cho bà O; tiền lương thực, tiền giấy bút, tiền quần áo cho các con ông S và bà O đến khi các cháu đủ 16 tuổi. Do UBND thị trấn A đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo nội dung biên bản giải quyết ngày 28/9/1988 nên ông Đặng Đức S làm đơn khởi kiện yêu cầu UBND thị trấn A phải bồi thường cho gia đình ông tổng số tiền là 243.040.000đ, trừ đi số tiền UBND thị trấn A đã chi trả cho gia đình ông vào các năm 1995, 1996 với số tiền là 4.200.000đ. Vì vậy số tiền còn lại ông S đề nghị UBND thị trấn A phải bồi thường là 238.840.000đ; còn phía bị đơn là UBND thị trấn A thừa nhận vào ngày 28/9/1988 UBND xã A (nay là thị trấn A) có lập Biên bản giải quyết đơn đề nghị của ông S nội dung như ông S trình bày. Tuy nhiên đây chỉ là văn bản thể hiện sự hỗ trợ của UBND thị trấn cho gia đình ông S tại thời điểm đó vì lúc này ông S thuộc đối tượng thương binh, có bốn con còn nhỏ. Nay UBND thị trấn thấy nội dung biên bản giải quyết đơn đề nghị ngày 28/9/1988 của UBND thị trấn A đối với gia đình ông S không đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn là ông Đặng Đức S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị C kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện; Viện kiểm sát nhân dân huyện B có Quyết định kháng nghị đề nghị sửa quan hệ pháp luật và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đức S.

[5] Xét kháng cáo của ông Đặng Đức S và chị Đặng Thị C; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác định vào tháng 3/1985 bà Lê Thị O (là vợ ông S) đi làm ruộng tại xã A, huyện Ơ, tỉnh Vĩnh Phú (cũ) nay là thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc bị sự cố điện giật chết. Tuy nhiên chưa đủ căn cứ xác định việc bà Chắc chết là lỗi của cá nhân, tổ chức nào gây nên để quy trách nhiệm xử lý và xác định nghĩa

vụ bồi thường thiệt hại. Sau khi bà O chết, gia đình ông S có đơn đề nghị gửi UBND xã A (nay là thị trấn A), do vậy ngày 28/9/1988 UBND xã A có Biên bản giải quyết đơn đề nghị của ông S có nội dung: UBND xã A cấp cho gia đình ông S tiền mai táng phí, tiền cải cát cho bà O; tiền lương thực, tiền giấy bút, tiền quần áo cho các con ông S và bà O đến khi các cháu đủ 16 tuổi. Quá trình thực hiện theo biên bản giải quyết ngày 28/9/1988 thì UBND xã A đã chi trả số tiền 4.200.000đ cho các năm 1995, 1996; kể từ đó đến nay UBND xã A không cấp tiền cho gia đình ông S theo nội dung trong biên bản ngày 28/9/1988. Xét về biên bản giải quyết đơn đề nghị ngày 28/9/1988 gồm các thành phần: Phó chủ tịch UBND, Trưởng ban thanh tra xã; Phó ban Tư pháp xã; Hội NDTT xã có nội dung cấp tiền hỗ trợ cho gia đình ông S thì tại thời điểm ban hành văn bản và hiện nay về hình thức, nội dung, thẩm quyền đều không đúng quy định của pháp luật. Từ trước đến nay chưa có văn bản pháp luật nào của nhà nước quy định tập thể là UBND cấp xã có quyền quyết định việc cấp hỗ trợ tiền giấy bút, tiền quần áo cho một người chưa thành niên trong gia đình số tiền đến khi họ đủ 16 tuổi. Theo quy định của Bộ luật Dân sự thì chỉ người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường. Ngoài ra, Pháp luật còn quy định rõ căn cứ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thì người nào có lỗi thực hiện hành vi trái pháp luật mới phải chịu trách nhiệm bồi thường. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chưa đủ cơ sở xác định cá nhân đại diện cho UBND thị trấn A hoặc tập thể UBND thị trấn A thực hiện hành vi trái pháp luật làm bà O bị chết nên không phải chịu nghĩa vụ bồi thường.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của UBND thị trấn A cho rằng: Biên bản giải quyết đơn đề nghị ngày 28/9/1988 có nội dung cấp tiền giấy bút, quần áo, 15 kg thóc cho các con của ông S hàng tháng chỉ là sự tự nguyện của địa phương hỗ trợ về kinh tế cho gia đình ông S do lúc này có khó khăn vì ông S thuộc đối tượng chính sách, lại phải nuôi các con còn nhỏ, đây không phải là sự thỏa thuận về tiền bồi thường. Hiện nay UBND thị trấn A kiểm tra lại thấy nội dung văn bản ngày 28/9/1988 không phù hợp pháp luật nên UBND đã chấm dứt sự hỗ trợ thấy rằng: Như đã phân tích tại phần trên, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ông Đặng Đức S chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cá nhân hay tổ chức nào đại diện cho UBND thị trấn A thực hiện hành vi trái pháp luật làm bà O (vợ ông) bị chết để quy trách nhiệm buộc UBND thị trấn A thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại; còn văn bản ngày 28/9/1988 do UBND thị trấn A ban hành là trái pháp luật nên không có cơ sở buộc UBND thị trấn A phải thực hiện; còn sự hỗ trợ của UBND thị trấn A đối với gia đình ông S đó là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đó, Biên bản giải quyết đơn đề nghị ngày 28/9/1988 có nội dung cấp tiền giấy bút, cấp 15 kg thóc hàng tháng cho các con ông S không đúng quy định

của pháp luật nên không có căn cứ buộc UBND thị trấn A phải thực hiện theo nội dung ghi trong biên bản.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào quy định của pháp luật để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đức S là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Đức S và chị Đặng Thị C không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B: Hội đồng xét xử thấy rằng: Như đã phân tích tại phần kháng cáo của ông Đặng Đức Soan, chị Đặng Thị C: Giữa UBND thị trấn A với gia đình ông S không có thỏa thuận trước về việc trường hợp bà O chết do sự cố điện giật gây ra thì UBND thị trấn A chịu trách nhiệm cấp cho gia đình ông S tiền mai táng phí, tiền cải cát cho bà O; tiền lương thực, tiền giấy bút, tiền quần áo cho các con ông S và bà O đến khi các cháu đủ 16. Sự kiện bà O chết vào tháng 3/1988 là sự kiện pháp lý, là nguyên nhân để căn cứ vào đó gia đình ông S có đơn đề nghị dẫn đến UBND thị trấn A ban hành văn bản giải quyết đơn đề nghị ngày 28/9/1988 có nội dung vì bà O bị chết nên UBND thị trấn A mới cấp tiền cho gia đình ông S.

Xét về nội dung biên bản giải quyết đơn đề nghị ngày 28/9/1988 của UBND thị trấn A, huyện B; Hội đồng xét xử thấy rằng: Như đã phân tích tại phần kháng cáo của ông Đặng Đức S, chị Đặng Thị C thì chưa có căn cứ xác định việc bà O bị chết do sự cố điện giật là do lỗi của ai nên chưa có cơ sở quy trách nhiệm xử lý và buộc bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm; còn văn bản ngày 28/9/1988 do UBND thị trấn A ban hành thì tại thời điểm ban hành văn bản và hiện nay về hình thức, nội dung, thẩm quyền đều không đúng quy định của pháp luật. Do vậy không có cơ sở buộc UBND thị trấn A phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguyên nhân bà O bị chết. giữa UBND thị trấn A với gia đình ông S không có thỏa thuận trước về việc trường hợp bà O chế do sự cố điện giật gây ra thì UBND thị trấn A chịu trách nhiệm cấp cho gia đình ông S tiền mai táng phí, tiền cải cát cho bà O; tiền lương thực, tiền giấy bút, tiền quần áo cho các con ông S và bà O đến khi các cháu đủ 16 tuổi. Sự kiện bà O chết vào tháng 3/1988 là sự kiện pháp lý, là nguyên nhân để căn cứ vào đó gia đình ông S có đơn đề nghị dẫn đến UBND thị trấn A ban hành văn bản giải quyết đơn đề nghị ngày 28/9/1988 có nội dung vì bà O bị chết nên UBND thị trấn A mới cấp tiền cho gia đình ông S. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án về "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án về "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đức S là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị sửa quan hệ pháp và chấp nhận một phần yêu cầu khởi

kiện của ông Đặng Đức S, chị Đặng Thị C không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên chị Đặng Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; ông Đặng Đức S được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Đức S, kháng cáo của chị Đặng Thị C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện B.

Căn cứ các Điều 117, Điều 122, Điều 123, Điều 131, Điều 157, Điều 584, Điều 585, Điều 588, Điều 591, Điều 593, Điều 601 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đức S về đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tính mạng bị xâm phạm với UBND thị trấn A, huyện B.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị C phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị Đặng Thị C đã nộp đủ 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005290 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Miễn toàn bộ án phí dân sự cho ông Đặng Đức S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn